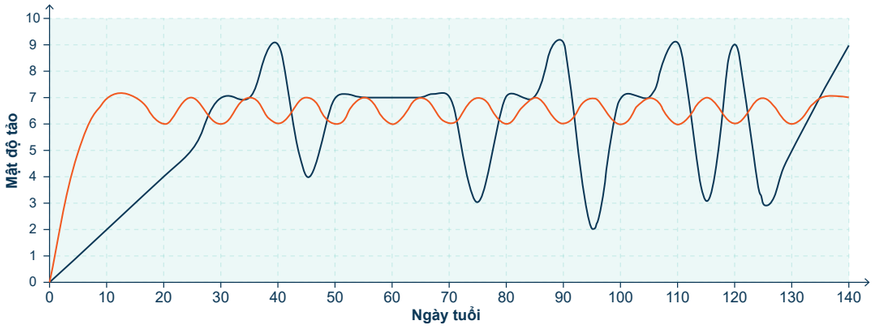

Ao đối chứng
Mật độ tảo không ổn định, nhất là giai đoạn nuôi sau

Ao dùng Proquatic® PondPlus®
Mật độ tảo ổn định xuyên suốt vụ nuôi

Proquatic® PondPlus®
Ao nuôi càng ổn định, càng ít biến động thì càng ít chất hữu cơ dư thừa

4 Các tình huống ứng dụng Proquatic® PondPlus®

- **Ổn định** môi trường và độ pH
- **Hạn chế** hình thành nhớt bạt, bẩn bám vỉ ôxy
- **Giảm hình thành** các khí độc NH_3, NO_2, H_2S
- **Giảm sử dụng** mật rỉ đường
- **Giảm tỷ lệ** thay nước

Dàn ôxy và ao nuôi sau 36 – 50 ngày nuôi vẫn sạch, không bám nhớt bẩn

Công thức kích hoạt vi sinh

- Proquatic™ Pond Restore : 5mL
- Proquatic® PondPlus® : 50 - 100g
- Prevensa™ Aqualase™ : 100 - 200 gr
- Nước sạch : 100 lít

Sục ủ trong 3 – 6 giờ.
Dùng cho 1.000m³ nước, sử dụng hằng ngày

Quy trình vi sinh giai đoạn ương

Ngày 1: 50-100gr /1.000m³; 100gr /1.000m³ »
Ngày 2: 50-100gr /1.000m³ »
Ngày 3: 50-100gr /1.000m³ »
Ngày 4: 1kg /1.000m³

Quy trình vi sinh giai đoạn nuôi thương phẩm

Ngày 1: 50-100gr /1.000m³; 100-200gr /1.000m³ »
Ngày 2: 50-100gr /1.000m³ »
Ngày 3: 50-100gr /1.000m³ »
Ngày 4: 50-100gr /1.000m³; 100-200gr /1.000m³ »
Ngày 5: 50-100gr /1.000m³ »
Ngày 6: 50-100gr /1.000m³ »
Ngày 7: 1kg /1.000m³

MSD Animal Health

CÔNG TY TNHH MSD ANIMAL HEALTH VIỆT NAM
Địa chỉ liên hệ: Tầng 16, Tòa nhà MPlaza - 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Hotline: 028 3910 9830

MSD Animal Health

SẠCH CHẤT THẢI
CAO
NĂNG SUẤT

VN-PQA-241100008

Đặc điểm của từng chủng vi sinh

Chủng	Năng lực vượt trội	Thế mạnh enzyme	Ngưỡng ôxy thấp	Ngưỡng độ mặn tối ưu	Phân hủy axit béo dễ bay hơi(*)	Cạnh tranh Vibrio
Bacillus A	Khử Nitrat	Protease, Amylase, Cellulase, Xylanase, Esterase	> 2 ppm	0 – 15 ‰	++	NA
Bacillus B	Nẩy mầm nhanh chóng	Protease, Amylase, Cellulase	> 3 ppm	0 – 15 ‰	+	NA
Bacillus C	Tăng cường kết lắng	Protease, Amylase, Cellulase, Xylanase	> 1.5 ppm	0 – 35 ‰	+	++
Bacillus D	Khử Nitrat	Lipase, Amylase, Cellulase	> 1 ppm	5 – 20 ‰	+	++
Bacillus E	Phân hủy mùn bã	Lipase, Amylase, Cellulase	> 1 ppm	0 – 25 ‰	++	NA
Bacillus F	Cạnh tranh Vibrio	Protease, Amylase, Cellulase, Xylanase	> 3 ppm	0 – 17 ‰	+	++
Bacillus G	Cạnh tranh Vibrio	Protease, Amylase, Cellulase, Xylanase	> 0.5 ppm	0 – 45 ‰	+++	++

(*) Đây là nguồn cung cấp 70% năng lượng cho Vibrio phát triển. Proquatic® PondPlus® phân hủy axit béo dễ bay hơi làm giảm điều kiện sống của Vibrio, hạn chế phát triển của Vibrio.

Sử dụng Proquatic® PondPlus® mang lại nhiều lợi ích cho ao nuôi

Phân hủy hợp chất hữu cơ: biofilm (màng sinh học, nhầy nhớt), thức ăn thừa, xác tảo, phân tôm	Tạo màu nước ổn định và hệ tảo cân bằng	Cạnh tranh mạnh mẽ dinh dưỡng với vi khuẩn gây hại	Hình thành các floc trong ao	Giảm stress
Ao nuôi và đáy ao sạch sẽ, ít chất hữu cơ lơ lửng	Tăng hàm lượng ôxy hòa tan trong nước	Giảm các rủi ro do vi khuẩn gây hại, tăng tỷ lệ sống	Giúp nước ao sạch hơn, chất hữu cơ lắng tốt và dễ dàng	Tôm khỏe, sức đề kháng cao và ít bị nhiễm bệnh

Các thử nghiệm

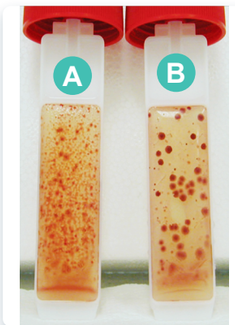

Thử nhiệt

Proquatic® PondPlus®

A Đun nóng ở 80°C trong 15 phút

Kết quả: $10^9 \rightarrow 10^9$

Sản phẩm khác

B Đun nóng ở 80°C trong 15 phút

Kết quả: $10^{12} \rightarrow 10^2$

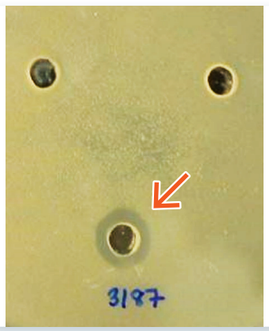

Khả năng ức chế Vibrio

Thực hiện trên kháng sinh đồ, hố sử dụng vi sinh của **Proquatic® PondPlus®** tạo vòng kháng Vibrio rõ hơn

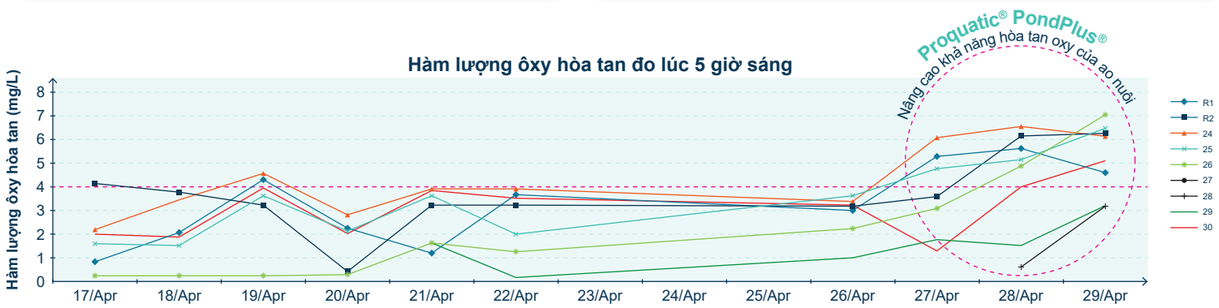

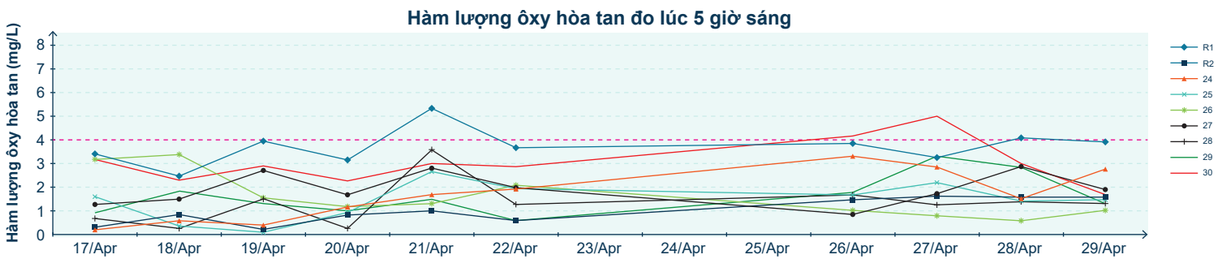

1 Vai trò của vi sinh có lợi

Các lợi ích ghi nhận khi ứng dụng vi sinh có lợi trong NTTS

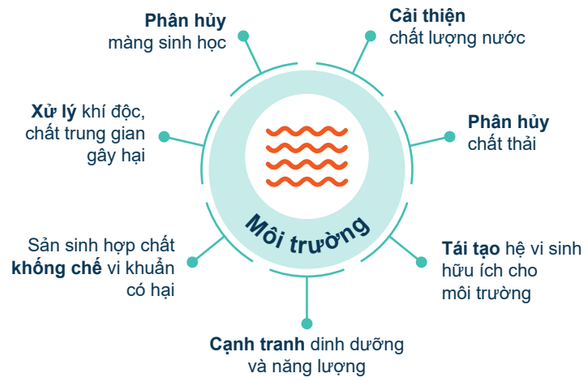

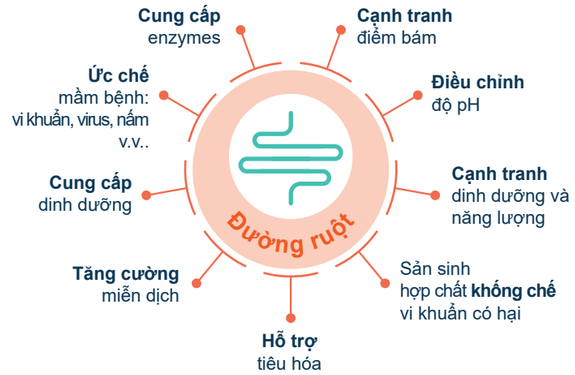

2 Phân loại

Căn cứ vào nguồn Carbon và năng lượng, vi khuẩn được chia thành các nhóm như sau:

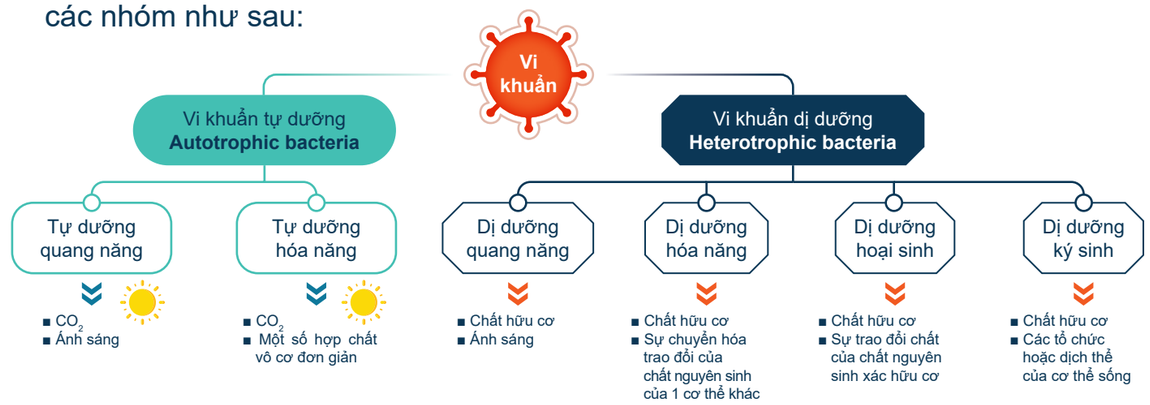

Trong đó, nhóm vi khuẩn dị dưỡng (Heterotrophic bacteria) giữ vai trò then chốt trong xử lý ô nhiễm ao nuôi thủy sản do khả năng phân hủy các chất hữu cơ trong quá trình sống.

3 Proquatic® PondPlus®

7 chủng vi sinh tự dưỡng (thuộc dòng dị dưỡng Heterotrophic) trong Proquatic® PondPlus® được chọn lọc đặc biệt với tính linh hoạt cao

- **Hoạt động tốt** trong nhiều điều kiện môi trường ao nuôi.
- **Hoạt lực mạnh**, thích ứng nhanh đáp ứng được các tình huống khẩn cấp.
- **Cạnh tranh**, mạnh mẽ về dinh dưỡng và môi trường sống kìm hãm, **vi khuẩn gây hại**.
- **Bảo toàn** đúng số lượng vi sinh có lợi theo công thức ban đầu.

1 **NHU CẦU ÔXY** (linh hoạt)

2 **ĐỘ MẶN** dao động từ 4 - 45%

3 **ĐỘ pH** dao động từ 5.0 - 9.5

4 **NHIỆT ĐỘ** dao động từ 5 - 45°C